

Bản án số: 35/ 2022/HSST

Ngày: 22/ 8/ 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Quang Tình
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh

Ông Vi Văn Tiệp

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện VKSND huyện Nghĩa Đàn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Bá Thọ, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19, 22 tháng 8 năm 2022, tại phòng xử án TAND huyện Nghĩa Đàn, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 23/2022/HSST ngày 09 tháng 5 năm 2022, theo quyết định xét xử sơ thẩm số 39/ 2022/ QĐXXST- HS ngày 03 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. DƯƠNG NGỌC D; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 21 tháng 11 năm 1993.

Nơi cư trú: Xóm H P, xã N H, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12

Con ông: Dương Văn H;

Con bà: Hồ Thị P

Vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự:

Năm 2011 bị TAND huyện Nghĩa Đàn xử phạt 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”.

Năm 2012 bị TAND thị xã Thái Hòa xử phạt tù 23 tháng 18 ngày về tội “Trộm cắp tài sản”.

Năm 2015 bị TAND huyện Nghĩa Đàn xử phạt 24 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Năm 2017 bị TAND huyện Nghĩa Đàn xử phạt 6 năm tù về tội “Cướp tài sản”.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/12/2021 đến ngày 06/5/2022 cho tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. HOÀNG DUY K; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 08 tháng 01 năm 1990.

Nơi cư trú: Xóm H T, xã N H, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp : Lao động tự do. Trình độ học vấn: 12/12

Con ông: Hoàng Ngọc Đ; Con bà: Nguyễn Thị M

Vợ: Nguyễn Thị Thạch A; Có 01 con, sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự:

Năm 2013 bị TAND huyện Nghĩa Đàn xử phạt 05 năm 10 tháng tù về tội “Hiếp dâm và Đánh bạc”.

Năm 2019 bị TAND huyện Nghĩa Đàn xử phạt 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/12/2021 đến ngày 18/5/2022 cho tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. NGÔ KIM L; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 07 tháng 12 năm 1974.

Nơi cư trú: xóm H T, xã N H, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 4/12 Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông: Ngô Kim T; Con bà: Phạm Thị T

Vợ: Nguyễn Thị V, có 01 con sinh năm 2003.

Tiền án, tiền sự: không

Bị tạm giữ từ ngày 23/12/2021 đến ngày 01/01/2022 cho tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. NGUYỄN QUỐC V; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 26 tháng 01 năm 1994

Nơi cư trú: xóm Q T, xã N T, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

Dân tộc: Thổ, Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn : 11/12 Nghề nghiệp : Trồng trọt.

Con ông: Nguyễn Văn P; Con bà : Hồ Thị M

Vợ: Trương Thị N, có 01 con sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2017, bị Công an huyện Nghĩa Đàn xử phạt hành chính về hành vi cố ý gây thương tích.

Bị tạm giữ từ ngày 23/12/2021 đến ngày 01/01/2022 cho tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. LÊ NAM B; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 23 tháng 08 năm 1992.

Nơi cư trú: xóm H T, xã N H, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 12/12

Nghề nghiệp: Buôn bán.

Con ông: Lê Văn Q;

Con bà : Nguyễn Thị H

Vợ: Tạ Thị Thu T; Có 01 con sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2011, bị Công an huyện Nghĩa Đàn xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc.

Bị tạm giữ từ ngày 23/12/2021 đến ngày 01/01/2022 cho tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

6. TẠ QUANG M;

Giới tính: Nam.

Sinh ngày 06 tháng 06 năm 1988

Nơi thường trú: xóm T T, xã N T, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 09/12

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông: Tạ Quang C;

Con bà: Lê Thị L

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 23/12/2021 đến ngày 01/01/2022 cho tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

7. NGUYỄN QUANG H;

Giới tính: Nam.

Sinh ngày 01 tháng 08 năm 2003

Nơi cư trú: xóm H T, xã N H, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 10/12

Nghề nghiệp : Lao động tự do.

Con ông: Nguyễn Thành Q;

Con bà: Hoàng Thị D

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 23/12/2021 đến ngày 01/01/2022 cho tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

8. NGUYỄN MINH T1;

Giới tính: Nam.

Sinh ngày 20 tháng 01 năm 1991

Nơi cư trú: xóm H T1, xã N H, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 10/12

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông: Nguyễn Ngọc B;

Con bà : Lê Thị H

Vợ: Vương Thị T; Chưa có con

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 23/12/2021 đến ngày 01/01/2022 cho tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

9. NGUYỄN VĂN T2; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 02 tháng 02 năm 1982

Nơi cư trú: xóm Hồng Th, xã N H, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 12/12 Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông: Nguyễn Đình D, Con bà: Nguyễn Thị T

Vợ: Võ Thị Việt H, Có 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2006.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2012 bị TAND huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo vì tội: “Cưỡng đoạt tài sản”.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, có mặt tại phiên toà.

10. TRẦN VĂN T3; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 20 tháng 10 năm 1976

Nơi cư trú: xóm Q T2, xã N T, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

Dân tộc: Thổ; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 07/12 Nghề nghiệp : Làm ruộng.

Con ông: Trần Văn C Con bà: Nguyễn Thị V

Vợ: Trần Thị L , Có 02 con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2017 bị TAND huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An xử phạt 15 tháng tù vì tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam có mặt tại phiên toà.

11. NGUYỄN ĐÌNH H1; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 04 tháng 6 năm 2000

Nơi cư trú: xóm H P, xã N H, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 12/12 Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông: Nguyễn Đình H; Con bà: Bùi Thị A

Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 24/12/2021 đến ngày 02/01/2022 cho tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

12. VI THANH H2; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 05 tháng 10 năm 1985

Nơi cư trú: làng C T, xã N M, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

Dân tộc: Thái;

Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 09/12

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông: Vi Văn Đ

Con bà: Lương Thị C

Vợ: Lê Thị H; Có 02 con , lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2016

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam có mặt tại phiên toà.

13. DUƠNG VĂN L2;

Giới tính: Nam.

Sinh ngày 10 tháng 8 năm 1973, tại huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú: xóm H P, xã N H, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 02/12

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông: Dương Văn Đ ,

Con bà: Trần Thị T

Vợ: Hồ Thị V; Có 02 con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2005.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam có mặt tại phiên toà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị T4, sinh năm 1971

Trú tại: xóm Đ K, xã N T, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có tại hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 18/12/2021, tại nhà Nguyễn Minh T1 thuộc xóm H T1, xã N H, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An tổ chức đám cưới. Sau khi ăn cháo đêm xong, đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày thì các đối tượng gồm: Hoàng Duy K, Dương Ngọc D, Nguyễn Quang H, Tạ Quang M, Nguyễn Văn T2, Ngô Kim L và Dương Văn L2 cùng rủ nhau đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa. Trần Văn T3 được mọi người nhờ cất 04 (bốn) con xúc xắc hình tròn bằng vỏ bao thuốc lá Thăng Long và sử dụng 01 bộ bát đĩa tại bàn đám cưới để làm công cụ đánh bạc. Các đối tượng ngồi đánh bạc tại góc sân khấu của rạp cưới và quy định mỗi người đặt tiền theo chặn, lẻ tối thiểu 100.000đ trở lên. Một người trong chiếu bạc bỏ 04 con xúc xắc vào đĩa và úp bát lắc nhiều lần, khi mở bát ra nếu có 02 hoặc 04 con xúc xắc cùng màu thì bên đặt cửa chặn thắng bằng số tiền đã đặt, nếu có 01 hoặc 03 con xúc xắc cùng màu thì người đặt tiền cửa lẻ thắng bằng số tiền đã đặt. Lúc đầu các đối tượng tham gia đánh bạc gồm có Dương Ngọc D, Hoàng Duy K, Nguyễn Quang H, Tạ Quang M, Nguyễn Văn T2, Ngô Kim L và Dương Văn L2. Trong lúc những người nêu trên đánh bạc thì Nguyễn Đình H1, Nguyễn Minh T1 và Trần Văn T3 đứng phía sau để xem đánh bạc.

Đánh bạc được một lúc thì Dương Văn L2 ra về, lúc này Nguyễn Quốc V, Lê Nam B cũng vừa đến và vào tham gia đánh bạc. Vi Thanh H2 tham gia đánh một ván bị thua hết tiền nên nghỉ ngồi xem một lúc rồi ra về.

Hoàng Duy K mang theo 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng) để sử dụng đánh bạc. Quá trình đánh thua bị thua hết tiền nên K đã cầm chiếc xe máy Honda Vision, BKS 37G1-701.18 cho M vay 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) để đánh bạc.

Dương Ngọc D sử dụng 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) đánh bạc bị thua hết nên vay của Nguyễn Đình H1 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) để đánh bạc. Nguyễn Quang H sử dụng 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tham gia đánh bạc. Tạ Quang M sử dụng 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) đánh bạc bị thua hết nên vay của Nguyễn Quang H 2.000.000 đồng tiếp tục đánh và đã thắng bạc nên cho Hoàng Duy K cầm chiếc xe máy vay 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) để đánh bạc. Nguyễn Văn T2 không mang theo tiền nên đã vay của Nguyễn Minh T1 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) để đánh bạc. Ngô Kim L sử dụng 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) để đánh bạc bị thua nên vay của Nguyễn Quang H 1.000.000đ (Một triệu đồng) để đánh bạc. Nguyễn Quốc V sử dụng 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) để đánh bạc. Lê Nam B sử dụng 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) để đánh bạc. Dương Văn L2 sử dụng 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) để đánh bạc. Vi Thanh H2 được Ngô Kim L cho 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) để đánh bạc.

Đến khoảng 03 giờ 30 phút, ngày 19/12/2021, các bị cáo nghỉ đánh bạc về nhà. Sau khi về nhà, nhận thấy hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật, đã bị phát hiện nên các bị cáo đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nghĩa Đàn đầu thú khai báo về hành vi phạm tội của mình. Tổng số tiền mà các đối tượng khai báo sử dụng để đánh bạc là: 36.800.000đ (Ba mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố, phân tích, đánh giá tính chất vụ án, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo và đề nghị hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Dương Ngọc D, Hoàng Duy K, Tạ Quang M, Nguyễn Quang H, Ngô Kim L, Nguyễn Quốc V, Lê Nam B, Nguyễn Minh T1, Nguyễn Đình H1, Nguyễn Văn T2, Trần Văn T3, Vi Thanh H2 và Dương Văn L2 phạm tội: "Đánh bạc"

Áp dụng: Điểm d khoản 2 điều 321, điểm g khoản 1 điều 52; điểm s, khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 38, điều 58 BLHS.

Xử phạt: Dương Ngọc D, Hoàng Duy K mỗi bị cáo từ 36 đến 40 tháng tù; Không phạt tiền bổ sung đối với D và K.

Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 58, điều 65 BLHS.

Xử phạt các bị cáo: Nguyễn Quang H, Nguyễn Quốc V và Nguyễn Văn T2 mỗi bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng; Phạt tiền bổ sung mỗi bị cáo từ 10 đến 15 triệu đồng sung công quỹ Nhà nước.

Xử phạt các bị cáo: Ngô Kim L, Nguyễn Đình H1 và Nguyễn Minh T1 mỗi bị cáo từ 9 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng; phạt tiền bổ sung mỗi bị cáo từ 8 đến 10 triệu đồng sung công quỹ Nhà Nước.

Áp dụng: Khoản 1 điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 38, điều 58 BLHS.

Xử phạt các bị cáo: Trần Văn T3, Tạ Quang M mỗi bị cáo từ 9 đến 12 tháng tù; không phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng: Khoản 1 điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 35, điều 58 BLHS.

Phạt tiền bị cáo Lê Nam B từ 30 đến 35 triệu đồng sung công quỹ Nhà nước.

Phạt tiền các bị cáo Vi Thanh H2, Dương Văn L2 mỗi bị cáo từ 20 đến 25 triệu đồng sung công quỹ Nhà nước.

Về vật chứng: Căn cứ điều 47 BLHS; điều 106 BLTTHS.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo dùng đánh bạc 7.000.000đ. Tịch thu hoá giá sung công quỹ Nhà nước hai chiếc điện thoại di động thu giữ của bị cáo T2 và T1.

Truy thu số tiền các bị cáo dùng đánh bạc chưa nộp lại.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, tỏ rõ ăn năn hối hận và xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau :

[1]. Trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai khiếu nại hoặc ý kiến gì về hành vi, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

[3]. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, lời khai của các bị cáo có tại hồ sơ vụ án về thời gian, diễn biến nội dung sự việc. Có căn cứ kết luận vào tối ngày 18/12/2021, sau khi đến dự ăn đám cưới tại nhà Nguyễn Minh T1 thuộc xóm H T1, xã N H, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ

An. Các bị cáo Dương Ngọc D, Hoàng Duy K, Tạ Quang M, Nguyễn Quang H, Ngô Kim L, Nguyễn Quốc V, Lê Nam B, Nguyễn Văn T2, Vi Thanh H2 và Dương Văn L2 đã có hành vi đánh bạc sát phạt nhau bằng hình thức đánh xóc đĩa. Quá trình đánh bạc H cho M vay 2.000.000đ và L vay 1.000.000đ; M cho K vay 12.000.000đ đây là số tiền H và M có được do thắng bạc. Như vậy có căn cứ xác định tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 21.800.000đ (hai mươi một triệu tám trăm nghìn đồng).

Các bị cáo đều nhận thức được hành vi dùng con xúc xắc, bát đĩa để đánh bạc sát phạt nhau là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện.

Nhân thân bị cáo Dương Ngọc D năm 2015 bị TAND huyện Nghĩa Đàn xử phạt 24 tháng tù về tội “Đánh bạc”, năm 2017 bị TAND huyện Nghĩa Đàn xử phạt 6 năm tù về tội “Cướp tài sản”; bị cáo Hoàng Duy K năm 2013 bị TAND huyện Nghĩa Đàn xử phạt 05 năm 10 tháng tù về tội “Hiếp dâm và Đánh bạc”, năm 2019 bị TAND huyện Nghĩa Đàn xử phạt 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”. D và K đã chấp hành xong hình phạt chưa được xoá án tích nay lại tiếp tục vi phạm, thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm định khung hình phạt.

Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đàn đã truy tố các bị cáo Tạ Quang M, Nguyễn Quang H, Ngô Kim L, Nguyễn Quốc V, Lê Nam B, Nguyễn Văn T2, Vi Thanh H2 và Dương Văn L2 về tội: "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; Truy tố các bị cáo Dương Ngọc D và Hoàng Duy K về tội: "Đánh bạc", quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật.

Đối với Trần Văn T3, Nguyễn Minh T1 và Nguyễn Đình H1 không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng T3 có hành vi cắt các con xúc xắc giúp cho các đối tượng sử dụng để đánh bạc, T1 và Hoàng có hành vi cho Dương Ngọc D, Nguyễn Văn T2 vay tiền để đánh bạc. Do vậy, Cáo trạng của viện kiểm sát huyện nghĩa Đàn đã truy tố T3, T1 và Hoàng về tội đánh bạc "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật.

[4]. Vụ án nghiêm trọng, hành vi đánh bạc của các bị cáo là một tệ nạn xã hội nguy hiểm, thường dẫn đến các hành vi nghiêm trọng khác như trộm cắp, gây thương tích, giết người, cướp của, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự trên địa bàn, ảnh hưởng đến cuộc sống lành mạnh trong cộng đồng dân cư, dư luận xã hội đang bất bình lên án nên cần xử lý nghiêm.

Tuy nhiên cũng cần xem xét cho các bị cáo phạm tội không có tiền tiết tăng nặng. Các bị cáo là bạn thân với nhau, được mời đến dự ăn đám cưới chung vui với bị

cáo T1 sau đó nảy sinh việc đánh bạc. Đến khoảng 03 giờ 30 phút, ngày 19/12/2021, các bị cáo đã nghỉ chấm dứt hành vi đánh bạc trở về nhà, sau đó biết sự việc bị phát hiện đã đến cơ quan Công an đầu thú, khai báo thành khẩn hành vi phạm tội của mình, tỏ rõ sự ăn năn hối hận. Dương Văn L2, Lê Nam B, Nguyễn Quang H và Nguyễn Quốc V đã tự nguyện giao nộp lại toàn bộ số tiền sử dụng để đánh bạc. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS.

Căn cứ tính chất vụ án, nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ và vị trí vai trò của các bị cáo trong vụ án này, cần xử lý cách ly 2 bị cáo Dương Ngọc D và Hoàng Duy K ngoài xã hội một thời gian mức ngang nhau như Kiểm sát viên đã đề nghị tại phiên toà và không phạt tiền bổ sung đối với hai bị cáo; Trừ cho các bị cáo D và K thời gian đã bị tạm giam. Đối với Nguyễn Quốc V và Nguyễn Văn T2 xử phạt tù cho hưởng án treo mức ngang nhau và phạt tiền bổ sung mức như Kiểm sát viên đã đề nghị là phù hợp.

Đối với Nguyễn Quang H và Tạ Quang M nhân thân từ trước đến nay chưa có tiền án tiền sự; có thêm tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i khoản 1 điều 51 BLHS. Tạ Quang M có bác là Liệt sĩ hiện đang do gia đình bị cáo chịu trách nhiệm thờ cúng, ông nội bị cáo M là người có công với nhà nước được tặng thưởng huân chương. Đây là tình tiết giảm nhẹ, được quy định tại khoản 2 điều 51 BLHS. Các bị cáo H và M có nơi ở ổn định, rõ ràng. Vì vậy không cần thiết phải cách ly ngoài xã hội, cho bị cáo hưởng án treo mức H cao hơn M và thấp hơn V và T2 là phù hợp.

Đối với Trần Văn T3, tuy nhân thân năm 2017 bị Toà án xử phạt 15 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng trong vụ án này T3 không trực tiếp tham gia đánh bạc, được các bị cáo nhờ cắt con xúc đánh bạc rồi đứng xem, mức độ hành vi ít nguy hiểm hơn nên không cần thiết phải cách ly ngoài xã hội một thời gian như Kiểm sát viên đã đề nghị, cho bị cáo được cải tạo giáo dục tại địa phương và khấu trừ thu nhập trong thời gian cải tạo không giam giữ cũng đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo.

Đối với Ngô Kim L, Lê Nam B tham gia đánh bạc số tiền ít hơn H và M, có thêm tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i khoản 1 điều 51 BLHS. Ngô Kim L có bố mẹ là người có công với Nhà nước được tặng thưởng Huân chương. Đây là tình tiết giảm nhẹ, được quy định tại khoản 2 điều 51 BLHS. Lê Nam B tuy vào tham gia đánh bạc sau L với số tiền ít hơn nhưng nhân thân B năm 2011 đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc. Vì vậy không cần thiết phải cách ly ngoài xã hội, cho L và B được cải tạo giáo

dục tại địa phương mức ngang nhau và khấu trừ thu nhập trong thời gian cải tạo không giam giữ cũng đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo.

Đối với Dương Văn L2 và Vi Thanh H2 tham gia đánh bạc vào sau với số tiền ít nhất. Nhân thân L2 và H2 từ trước đến nay chưa có tiền án tiền sự, có thêm tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i khoản 1 điều 51 BLHS. Điều kiện hoàn cảnh kinh tế của L2 và H2 khó khăn, bị cáo H2 là hộ nghèo, bị cáo L2 hiện phải đi ở nhờ. Vì vậy không cần thiết phải cách ly ngoài xã hội, cho L2 và H2 được cải tạo giáo dục tại địa phương mức ngang nhau thấp hơn L và B, không khấu trừ thu nhập đối với hai bị cáo.

Đối với Nguyễn Minh T1 và Nguyễn Đình H1 cho bị cáo T2 và D vay tiền đánh bạc, mức độ hành vi ít nguy hiểm hơn. Nhân thân T1 và H1 từ trước đến nay chưa có tiền án tiền sự; có thêm tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i khoản 1 điều 51 BLHS. Nên chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với hai bị cáo để sung công quỹ Nhà nước.

Về vật chứng:

Quá trình điều tra có thu giữ của Hoàng Duy K một chiếc xe máy Honda Vision, BKS 37G1-701.18 là tài sản hợp pháp của bà Lê Thị T4; Việc K sử dụng cầm cố cho M để vay tiền đánh bạc, bà T4 không biết nên cơ quan điều tra đã trả lại cho bà T4 là đúng pháp luật,

Quá trình điều tra có thu giữ của Nguyễn Minh T1 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ViVo 1915, màu xanh ngọc, thu giữ của Nguyễn Văn T2 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel izi 109, màu đỏ các bị cáo dùng gọi điện vay tiền đánh bạc, tại phiên toà T1 và T2 không yêu cầu trả lại nên tịch thu hoá giá sung công quỹ Nhà Nước.

Căn cứ nhận định trên, số tiền các bị cáo giao nộp gồm Dương Văn L2 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng), Lê Nam B 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng); Nguyễn Quang H 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và Nguyễn Quốc V 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) tổng cộng 7.000,000đ. Đây là số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng) Hoàng cho D vay để đánh bạc, D đã trả lại cho Hoàng nên truy thu để sung công quỹ Nhà nước.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Dương Ngọc D, Hoàng Duy K, Tạ Quang M, Nguyễn Quang H, Ngô Kim L, Nguyễn Quốc V, Lê Nam B, Nguyễn Minh T1, Nguyễn Đình H1, Nguyễn Văn T2, Trần Văn T3, Vi Thanh H2 và Dương Văn L2 phạm tội: “Đánh bạc”.

Căn cứ: Điểm d khoản 2 điều 321, điểm s, khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS.

- Xử phạt bị cáo Dương Ngọc D 3 (ba) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án nhưng được trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 23/12/2021 đến ngày 06/5/2022.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Duy K 3 (ba) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án nhưng được trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 23/12/2021 đến ngày 18/ 5/ 2022.

Căn cứ: Khoản 1, khoản 3 điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 65 BLHS.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc V 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo V cho chính quyền địa phương xã N T, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An, nơi bị cáo thường trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo T2 cho chính quyền địa phương xã N H, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An, nơi bị cáo thường trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Phạt tiền bổ sung đối với Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Quốc V mỗi bị cáo 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước.

Căn cứ: Khoản 1 điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 65 BLHS.

- Xử phạt bị cáo: Nguyễn Quang H 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo H cho chính quyền địa phương xã N H, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An, nơi bị cáo thường trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Tạ quang M 9 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo M cho chính quyền

địa phương xã N T, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An, nơi bị cáo thường trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú làm việc thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ: Khoản 1 điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 36 BLHS.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T3 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thu nhập của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ mỗi tháng 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) sung công quỹ Nhà nước. Thời gian cải tạo không giam giữ của Trần Văn T3 tính từ ngày UBND xã N T, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Căn cứ: Khoản 1 điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 36 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Ngô Kim L, Lê Nam B mỗi bị cáo 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ của các bị cáo L và B tính từ ngày UBND xã N H, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án. Ngô Kim L và Lê Nam B mỗi bị cáo được trừ 9 (chín) ngày bị tạm giữ bằng 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thu nhập của L và B trong thời gian cải tạo không giam giữ mỗi bị cáo mỗi tháng 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Xử phạt các bị cáo Vi Thanh H2, Dương Văn L2 mỗi bị cáo 15 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, không khấu trừ thu nhập đối với Hà và Lâm.

Thời gian cải tạo không giam giữ của bị cáo H2 tính từ ngày UBND xã N M, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án. Thời gian cải tạo không giam giữ của bị cáo L2 tính từ ngày UBND xã N H, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Căn cứ: Khoản 1 điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 35 BLHS.

Phạt tiền đối với Nguyễn Đình H1, Nguyễn Minh T1 mỗi bị cáo 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước.

Truy thu của Nguyễn Đình H1 6.000.000đ (sáu triệu đồng) cho D vay đánh bạc đã trả để sung công quỹ Nhà nước.

Về vật chứng: Căn cứ điều 47 BLHS; điều 106 BLTTHS.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc đã giao nộp gồm: Dương Văn L2 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng), Lê Nam B 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng); Nguyễn Quang H 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và Nguyễn Quốc V giao 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), tổng cộng 7.000,000đ (bảy triệu đồng).

Tịch thu hoá giá sung công quỹ Nhà nước 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ViVo 1915 màu xanh ngọc thu giữ của Nguyễn Minh T1 và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel izi 109, màu đỏ thu giữ của Nguyễn Văn T2 dùng vào việc phạm tội

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Công an với chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Đàn ngày 29/4/2022).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 điều 136 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/QH ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

Các bị cáo Dương Ngọc D, Hoàng Duy K, Tạ Quang M, Nguyễn Quang H, Ngô Kim L, Nguyễn Quốc V, Lê Nam B, Nguyễn Minh T1, Nguyễn Đình H1, Nguyễn Văn T2, Trần Văn T3, Vi Thanh H2 và Dương Văn L2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các bị cáo
- VKSHM, VKST
- THAHS
- CAHM
- Lưu VP

Lý Quang Tình